**Số: 2670374**

| | THACO CRUIZER 91S - 29 GHẾ | IVECO DAILY PLUS PREMIUM - 10 GHẾ VIP |
|---|---|---|
| **Giá niêm yết:** | **2.149.000.000đ** | **1.644.000.000đ** |
| **KÍCH THƯỚC:** | | |
| Kích thước tổng thể(DxRxC) | 9.100 x 2.370 x 3.150 mm | 7.080 x 2.100 x 2.650 mm |
| Chiều dài cơ sở | 4.630 mm | 3.950 mm |
| Vết bánh xe trước/sau | 1.997 / 1.762 mm | 1.725/1.538 mm |
| **KHỐI LƯỢNG:** | | |
| Khối lượng bản thân | 8.205 kg | 3.190 kg |
| Khối lượng toàn bộ | 10.380 kg | 4.710 kg |
| Số chỗ ngồi | 29 & 34 \| 20 chỗ | 19 chỗ (18 chỗ ngồi + 1 ghế lái) hoặc 16 chỗ (15 chỗ ngồi + 1 ghế lái) |
| **ĐỘNG CƠ:** | | |
| Tên động cơ | WP4.6NQ270E50 | FPT F1C34818 |
| Loại động cơ | Động cơ diesel, 4 xylanh thẳng hàng, tăng áp | Động cơ diesel, 4 xy lanh thẳng hàng, tăng áp |
| Dung tích xi lanh | 4.580 cc | 2.998 cc |
| Công suất cực đại/ tốc độ quay | 270/2.300 Ps/(vòng/phút) | 146/3.500 Ps/(vòng/phút) |
| Mô men xoắn/ tốc độ quay | 850/1.200 - 1.600 N.m/(vòng/phút) | 370/1.400 - 2800 N.m/(vòng/phút) |
| **TRUYỀN ĐỘNG:** | | |
| Hộp số | 6DSX95T | FPT2840.6 (6 tiến + 1 lùi) |
| Tỷ số truyền | 3.89 | |
| **HỆ THỐNG PHANH:** | | |
| Hệ thống phanh | Đĩa/ tang trống. Phanh điện từ. Có ABS/ASR | 4 phanh đĩa |
| **HỆ THỐNG TREO:** | | |
| Trước | Phụ thuộc, 02 bầu hơi, 02 giảm chấn, thanh cân bằng | Độc lập, liên kết đa điểm, giảm chấn thủy lực, thanh chống xoắn |
| Sau | Phụ thuộc 04 bầu hơi, 04 giảm chấn, thanh cân bằng | Phụ thuộc, bầu hơi, thanh cân bằng |
| **LỐP XE:** | | |
| Trước/Sau | 245/70R19.5 | 195/75R16 |
| **ĐẶC TÍNH:** | | |
| Khả năng leo dốc | 47.8 % | 42 % |
| Tốc độ tối đa | 109 km/h | 130 km/h |
| Dung tích thùng nhiên liệu | 140 lít | 100 lít |
| **HỆ THỐNG LÁI:** | | |
| Hệ thống lái | Trục vít ê cu bi, trợ lực thủy lực | Bánh răng – thanh răng, dẫn động cơ khí, trợ lực thủy lực |